

Bản án số: **504** /2025/DS-ST

Ngày 22 /09 /2025.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Ông Nguyễn Hải Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 394/2025/TLST- DS ngày 3 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-DS ngày tháng năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, Việt Nam (nay là phường L, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Chức vụ: Trưởng phòng, theo Văn bản uỷ quyền số 10/2025/UQN-CTQT ngày 12/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D1, bà Kiều Thị H, ông Trần Hải N – Cán bộ Pháp lý Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Tầng E Tòa nhà V, số G D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội). (Có mặt ông N; Vắng mặt ông D1 và bà H)

- Bị đơn: Ông Phạm Tuấn A, sinh năm: 1988;

Nơi ĐKKHKT: Số A K, T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V ông Nguyễn Hồng B trình bày như sau:

Ngày 30/08/2022, ông Phạm Tuấn A có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V2) Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng 324-P-3835923 ký ngày 30/08/2022

- Số tiền vay: 299.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi chín triệu đồng)
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng
- Lãi suất trong hạn: Theo quy định của Ngân hàng V2 theo từng thời kỳ;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Số tiền ông Phạm Tuấn A còn nợ V2 tạm tính đến ngày 25/07/2025 là: 512.997.368 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

- Nợ gốc: 278.578.288 đồng
- Nợ lãi: 234.419.080 đồng
- Tổng cộng: 512.997.368 đồng

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP V vẫn giữ nguyên các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tuấn A phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V2, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 22/09/2025 khoản tiền này là: 546.290.194 đồng. Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 278.578.288 đồng
- Nợ lãi: 267,711 đồng
- Tổng cộng: 546.290.194 đồng

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 23/09/2025 cho đến ngày ông Phạm Tuấn A thực tế thanh toán hết nợ cho V2.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên trong Quyết định/Bản án: V2 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác

thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Tuấn A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án Quyết định của Tòa án cho đến khi ông Tuấn A hết nghĩa vụ với V2.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Phạm Tuấn A biết Tòa án đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” do Ngân hàng TMCP V (V2) khởi kiện đối với ông Phạm Tuấn A và triệu tập ông Tuấn A đến Tòa để giải quyết vụ án, tuy nhiên ông Tuấn A không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không thể tiến hành việc đối chất, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Tuấn A và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc ông Phạm Tuấn A có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính của Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 22/09/2025 là 546.290.194 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 278.578.288 đồng; Nợ lãi: 267.711 đồng. Và lãi suất phát sinh từ ngày 23/09/2025 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng 324-P-3835923 ký ngày 30/08/2022. Ông Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Tuấn A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại Số A K, T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội) theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập ông Phạm Tuấn A đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng ông Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Tuấn A là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 30/08/2022 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Tuấn A được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Nay ngân hàng xác nhận số tiền ông Phạm Tuấn A còn nợ V2 tạm tính đến ngày 22/09/2025 là: 546.290.194 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 278.578.288 đồng; Nợ lãi: 267,711 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Tuấn A phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 278.578.288 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của ông Phạm Tuấn A với Ngân hàng TMCP V đủ cơ sở xác nhận ông Phạm Tuấn A còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 278.578.288 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) nên việc Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Tuấn A phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP V quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Ông Phạm Tuấn A sử dụng thẻ từ ngày 30/08/2022, quá trình sử dụng thẻ ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở ông Tuấn A, qua nhiều lần làm việc nhưng ông Tuấn A không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn A vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Tuấn A sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 22/09/2025, ông Tuấn A còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi là 267.711.906 đồng. Mức lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông Phạm Tuấn A phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: 267.711.906 đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Phạm Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V là: 546.290.194 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 278.578.288 đồng; Nợ lãi: 267.711 đồng.

Về án phí: Ngân hàng TMCP V được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Phạm Tuấn A về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng 324-P-3835923 ký ngày 30/08/2022.

Xác nhận đến ngày 22/09/2025, ông Phạm Tuấn A còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là: **546.290.194** đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 278.578.288 đồng; Nợ lãi: 267.711 đồng.

Buộc ông Phạm Tuấn A phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là **546.290.194**

[2]. Về án phí: Ông Phạm Tuấn A phải chịu 25.851.607 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP V3 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V 11.079.438 (mười một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0026634 ngày 27/05/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Hà Nội).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận

trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Có mặt Ngân hàng TMCP V và vắng mặt ông Phạm Tuấn A

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phạm Thị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách

